

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xét năng lực ngoại ngữ ứng viên đăng ký tuyển thẳng trình độ thạc sĩ
trong kỳ thi tuyển sinh cao học năm 2025- đợt 1

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025- ĐỢT 1

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-KHTN ngày 13/03/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2025- đợt 1;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-ĐHQG, ngày 06/01/2023 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành tại Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-KHTN, ngày 22/02/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định tổ chức tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2025- đợt 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách ứng viên đăng ký tuyển thẳng trình độ thạc sĩ trong kỳ tuyển sinh sau đại học năm 2025- đợt 1 đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ.

Danh sách 76 ứng viên đạt yêu cầu năng lực ngoại ngữ đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các ứng viên có tên tại Điều 1 đã đạt trình độ ngoại ngữ đối với người tuyển thẳng vào trình độ thạc sĩ theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của Đại học Quốc gia TP.HCM

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Phòng, Ban, Khoa có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Website: sdh/hcmus.edu.vn;
- Lưu: VT, Hồ sơ TS SDH. ✓

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SDH
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KHOA HỌC
TỰ NHIÊN
HIỆU TRƯỞNG
Trần Lê Quan

DANH SÁCH ỨNG VIÊN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐẠT YÊU CẦU NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
TRONG KỲ TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025- ĐỢT 1

(Đính kèm Quyết định số: 935 /QĐ-HĐTS, ngày 14 /04/2025 của Chủ tịch HĐTS SDH)

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc
1	Ngô Trương Minh	Đạt	08/11/2002	An Giang	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo	VSTEP	Bậc 3
2	Nguyễn Huy	Hoàng	15/01/2002	Bình Dương	Khoa học máy tính	VSTEP	Bậc 3
3	Nguyễn Thanh	Hoàng	05/04/2002	Đồng Tháp	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo	IELTS	6,5
4	Bùi Gia	Huy	11/07/2002	Khánh Hòa	Khoa học máy tính	TOEIC	L: 495; R:480 S: 180; W:170
5	Trần Anh	Huy	15/04/2001	Vĩnh Long	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo	TOEFL IPT	573
6	Châu Ngọc	Huy	07/09/2001	Quảng Nam	Khoa học máy tính	IELTS	5,5
7	Nguyễn Thị	Huyền	14/03/2002	Quảng Ngãi	Khoa học máy tính Khoa học dữ liệu	TOPIK	level 3 (142)
8	Nguyễn Nhật	Khang	24/11/2002	Khánh Hòa	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo	TOEIC	L: 440; R: 420 S: 140; W: 150
9	Nguyễn Đình Quang	Khánh	30/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo	IELTS	6.5
10	Nguyễn Anh	Kiệt	08/07/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Khoa học máy tính	IELTS	7.0

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc
11	Võ Công	Minh	17/11/2002	Budapest	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo	TOEIC	L: 465; R: 445 S: 120; W: 150
12	Lê Thúy	Nga	16/06/2002	Ninh Thuận	Khoa học máy tính Hệ thống thông tin Trí tuệ nhân tạo	IELTS	5.0
13	Lý Thế	Nguyên	24/09/2003	An Giang	Khoa học máy tính	IELTS	6.5
14	Ngô Văn Trung	Nguyên	10/12/2002	TP. Đà Nẵng	Khoa học máy tính	TOEIC	L: 485; R: 445 S:140; W:150
15	Võ Đoàn Kim	Như	25/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	IELTS	6.0
16	Thái Cẩm	Phong	24/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	TOEIC	L: 435; R: 455 S:120; W: 160
17	Nguyễn Khải	Phú	13/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo	IELTS	8.0
18	Nguyễn Trúc	Phương	19/04/2001	Quảng Ngãi	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo Khoa học dữ liệu	Tốt nghiệp ĐH - CT giảng dạy bằng ngôn ngữ Tiếng Anh	
19	Nguyễn Hồ Trường	Son	01/12/2002	Long An	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo Khoa học dữ liệu	IELTS	6,0
20	Trần Duy	Tân	24/04/2003	Lâm Đồng	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo	TOEIC	L: 445; R: 395 S: 130; W: 160
21	Đặng Anh	Tiến	21/12/2002	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	IELTS	6.5

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc
22	Nguyễn Phạm Minh	Triết	29/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	Cử nhân ngôn ngữ Anh	
23	Phạm Đoàn Ngọc	Trinh	10/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính Hệ thống thông tin Khoa học dữ liệu	IELTS	6,5
24	Huỳnh Quang	Trung	02/05/2002	Quảng Ngãi	Khoa học máy tính Khoa học dữ liệu	VSTEP	Bậc 4
25	Nguyễn Tất	Trường	01/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính Hệ thống thông tin Trí tuệ nhân tạo	IELTS	7,0
26	Nguyễn Hoàng	Việt	01/06/2002	Bình Định	Khoa học máy tính	TOEFL IPT	570
27	Phan Minh	Xuân	12/02/2002	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính	VSTEP	Bậc 4
28	Nguyễn Trịnh Như	Ý	19/02/2002	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính Hệ thống thông tin Trí tuệ nhân tạo	IELTS	7,5
29	Phan Trần	Khanh	19/01/2002	Bình Định	Hệ thống thông tin	IELTS	6,5
30	Trần Duy	Khương	30/06/2002	Bến Tre	Hệ thống thông tin	VSTEP	Bậc 4
31	Lê Thành	Ngọc	23/03/2001	Khánh Hòa	Hệ thống thông tin	TOEIC	L: 435; R: 420 S: 140; W: 130
32	Trương Kim	Nguyên	06/08/2003	Phú Yên	Hệ thống thông tin	TOEIC	L: 390; R: 395 S: 120; W: 180
33	Trần Nhật	Trường	10/09/2001	Đồng Nai	Hệ thống thông tin	TOEIC	L: 420; R: 330 S: 120; W: 160
34	Trương Trung	Vĩnh	16/12/2002	Vĩnh Long	Hệ thống thông tin	VSTEP	Bậc 3



Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc
35	Tào Khánh	Duy	03/01/2002	Bạc Liêu	Trí tuệ nhân tạo	VSTEP	Bậc 3
36	Nguyễn Xuân	Hải	23/03/2002	Bến Tre	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC	L: 465; R: 435 S: 140; W: 170
37	Trần Công Du	Hành	09/02/1994	Phú Yên	Trí tuệ nhân tạo	VSTEP	Bậc 3
38	Nguyễn Huy	Hoàng	15/01/2002	Bình Dương	Trí tuệ nhân tạo Khoa học dữ liệu	VSTEP	Bậc 3
39	Trần Đắc	Khoa	11/05/2002	Phú Yên	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC	L: 445; R: 380 S: 140; W: 160
40	Đoàn Phạm Thảo	Như	18/05/2002	Vĩnh Long	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	7.0
41	Nguyễn Minh	Quân	25/07/2002	Bình Định	Trí tuệ nhân tạo	IELTS	6.0
42	Nguyễn Nhật	Quang	20/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Trí tuệ nhân tạo Khoa học dữ liệu Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	IELTS	7.0
43	Nguyễn Huỳnh Phú	Thịnh	25/12/2002	Lâm Đồng	Trí tuệ nhân tạo	VSTEP	Bậc 4
44	Trần Minh	Tiến	26/08/2002	Bạc Liêu	Trí tuệ nhân tạo	VSTEP	Bậc 4
45	Hoàng Trọng	Vũ	06/10/2002	Quảng Trị	Trí tuệ nhân tạo	TOEIC	L: 485; R: 450 S: 140; W: 190
46	Nguyễn Thanh	Tâm	07/09/2001	Long An	Khoa học dữ liệu	VSTEP	Bậc 3
47	Thái Vĩnh	Hoàng	24/03/2002	Đắk Lắk	Toán giải tích Đại số và lý thuyết số	VSTEP	Bậc 4
48	Lê Hồng	Gấm	10/05/2002	Vĩnh Long	Quang học	VSTEP	Bậc 3

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
						văn bằng; c/c	điểm/ bậc
49	Trần Thị Thu	Ngân	02/04/2002	Phú Thọ	Quang học	VSTEP	Bậc 4
50	Từ Ý	Nhi	08/10/2002	Vĩnh Long	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	VSTEP	Bậc 3
51	Hồ Thanh	Bảo	05/09/2002	TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật điện tử, chuyên ngành Vi điện tử và thiết kế vi mạch	VSTEP	Bậc 4
52	Lê Hữu Quốc	Bình	13/04/2002	TP. Cần Thơ	Kỹ thuật điện tử, chuyên ngành Vi điện tử và thiết kế vi mạch	VSTEP	Bậc 3
53	Trần Quốc	Đặng	14/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật điện tử, chuyên ngành Vi điện tử và thiết kế vi mạch	VSTEP	Bậc 3
54	Trần Thiện Thảo	Nhi	20/11/2001	Long An	Hóa học	VSTEP	Bậc 4
55	Huỳnh Quốc	Phú	11/05/2001	Tiền Giang	Hóa học	VSTEP	Bậc 3
56	Lê Thị Ngọc	Thảo	04/10/2002	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	VSTEP	Bậc 4
57	Phan Thị Thanh	Trà	03/03/2002	Ninh Thuận	Hóa học	VSTEP	Bậc 4
58	Nguyễn Kim	Thành	02/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	SHTN, chuyên ngành Sinh lý Thực vật; SHTN, chuyên ngành Giảng dạy sinh học thực nghiệm	IELTS	6.5
59	Nguyễn Thanh	Giàu	05/01/2002	Tiền Giang	SHTN, chuyên ngành Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 3
60	Lê Tường Nhật	Minh	01/12/2001	Bến Tre	SHTN, chuyên ngành Sinh lý Động vật Vi sinh vật học	VSTEP	Bậc 3



Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
					văn bằng; c/c	điểm/ bậc
61	Phạm Thị Thu Thủy	24/12/2000	Đồng Nai	SHTN, chuyên ngành Sinh lý Động vật	IELTS	5.5
62	Nguyễn Thị Khánh Vi	10/02/2001	Lâm Đồng	SHTN, chuyên ngành Sinh lý Động vật	VSTEP	Bậc 4
63	Nguyễn Lê Uyên Vy	10/04/2000	Bến Tre	SHTN, chuyên ngành Sinh lý Động vật Di truyền học	TOEIC	L: 480; R: 415 S: 120; W: 160
64	Nguyễn Thị Kiều Yên	04/04/2001	TP. Hà Nội	SHTN, chuyên ngành Sinh lý Động vật	IELTS	5.0
65	Võ Ngọc Quỳnh Chi	13/08/2002	Đồng Nai	Hóa sinh học	VSTEP	Bậc 4
66	Chung Huê Huân	15/06/2002	Đắk Lắk	Hóa sinh học	VSTEP	Bậc 4
67	Hồ Phạm Bích Ngọc	11/09/2002	TP. Hồ Chí Minh	Hóa sinh học Công nghệ sinh học	IELTS	6.0
68	Nguyễn Phan Khánh An	20/10/2002	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học Sinh thái học	VSTEP	Bậc 3
69	Nguyễn Huỳnh Xuân Như	03/02/2002	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học	IELTS	5.5
70	Bùi Hoàng Quân	08/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học	IELTS	5.5
71	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	11/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 4
72	Bùi Thị Cẩm Tú	24/07/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	Vi sinh vật học	VSTEP	Bậc 4
73	Nguyễn Thanh Tùng	06/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học	TOEIC	L: 410; R: 425 S: 140; W: 180



Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điều kiện miễn	
					văn bằng; c/c	điểm/ bậc
74	Nguyễn Thành Quý	22/06/2022	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	IELTS	7.0
75	Diệp Phước Thịnh	21/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học	VSTEP	Bậc 4
76	Bùi Mỹ Tiên	15/12/2001	Vĩnh Long	Khoa học vật liệu	Aptis ESOL	B2

Tổng cộng danh sách có 76 thí sinh 

